

Ngày: 30-01-2024

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

ông Phạm Ngọc Thái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 649/2024/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hoàn Đ1, sinh ngày 11/10/1991 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 và bà Võ Thị T, sinh năm: 1968; Vợ: Võ Thị T1, sinh năm: 1996, con: 01 người con, sinh năm: 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/8/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/5/2014 (đã xóa án tích); Bắt tam giữ, tam giam ngày 02/01/2022; Có mặt.

2. Võ Văn Đ2, sinh ngày 10/11/1991 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn T2, sinh năm: 1953 và bà: Trương Thị L, sinh năm: 1960; Vợ: Võ Thị Minh T3 - Sinh năm: 1991, con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 22/01/2021, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 5.700.000 đồng về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản. Chấp hành xong vào ngày 05/3/2021; Nhân thân: Ngày 20/10/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/12/2016 (đã xóa án tích). Ngày 04/6/2018, bị Công an xã P, huyện T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Chấp hành xong vào ngày 16/6/2018. Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2022 đến ngày 28/01/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn cho: Bảo lãnh; đến ngày 12/4/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Phan Ngọc S, sinh ngày 01/02/1995 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Thanh G (đã chết) và bà: Võ Thị C, sinh năm: 1967; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 06/7/2022; Có mặt.

4. Nguyễn Văn H, sinh ngày 04/3/1995 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T4, sinh năm 1966 và bà: Lê Thị S1, sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 12/3/2013, bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 10 năm tù, về tội “Giết người”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/01/2020 (chưa xóa án tích), tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 18/01/2022; Có mặt.

5. Bùi Văn T5, sinh ngày 20/2/1996 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi S2, sinh năm 1972 và bà: Trịnh Thị V, sinh năm: 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 26/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 16/3/2017, bị Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 26/10/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/11/2018, nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự của 02 bản án trước (chưa xóa án tích), tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 23/12/2013, bị Công an xã P, huyện T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị bắt tạm giam ngày 02/6/2022; Có mặt.

6. Võ Âu, sinh ngày 28/7/1997 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ M1, sinh năm 1969 và bà: Võ Thị N, sinh năm: 1964; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền

sự: không; Nhân thân: Ngày 29/12/2014, bị UBND phường Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã theo NĐ 163/CP với thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 29/12/2011 đến ngày 29/3/2012. Bị bắt tạm giam ngày 06/6/2022; Có mặt.

7. Nguyễn Hoàng T6, sinh ngày 19/3/1997 tại Bình Định; Nơi cư trú: Tổ 30, KP4, phường N, TP ., tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1966 và bà: Nguyễn Thị Thế T7, sinh năm: 1968; Vợ: Văn Thị Mỹ D, sinh năm: 1997, con: có 01 người con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/3/2017 (Đã xóa án tích). Bị bắt tạm giam ngày 03/6/2022; Có mặt.

8. Trương Gia C1, sinh ngày 20/4/1995 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ và bà: Trương Thị H1, sinh năm: 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

9. Mai Đình T8, sinh ngày 4/8/1996 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Văn M2, sinh năm 1968 và bà: Huỳnh Thị X, sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 26/12/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 06 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/4/2021 (Chưa xóa án tích), tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

10. Trảo An K, sinh ngày 18/3//2000 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lái taxi; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trảo An T9, sinh năm 1965 và bà: Châu Thị C2, sinh năm: 1971; Vợ: Đỗ Thị Mỹ H2, sinh năm 2000, con: có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 04/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 04/7/2018 (đã xóa án tích). Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

11. Nguyễn Quang N1, sinh ngày 15/2/1995 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc M3, sinh năm 1972 và bà: Võ Thị Đ3, sinh năm: 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

12. Lê Quý T10, sinh ngày 20/6/1996 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê

Văn T11, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1969; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

13. Nguyễn Duy K1, sinh ngày 25/1/2001 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy K2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

14. Nguyễn Thái S3, sinh ngày 30/8/1989 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mạnh H4, sinh năm 1952 và bà Trần Thị H5, sinh năm: 1953; Vợ: Nguyễn Thị Thái P, sinh năm: 1990, con: có 01 người con, sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- Các bị cáo bị kháng nghị, có kháng cáo:

15. Phan Quốc Đ4, sinh ngày 2/4/1990 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn L1, sinh năm 1956 và bà: Trịnh Thị X1, sinh năm: 1960; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/01/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trốn tránh nghĩa vụ quân sự”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/8/2014 (Đã xóa án tích). Bị bắt tạm giam ngày 06/6/2022; Có mặt.

16. Trần Anh Đ5, sinh ngày 6/5/1993 tại Bình Định; Nơi cư trú: Tổ A, KP3, phường Đ, TP Q, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đình C3 (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị T12, sinh năm: 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/8/2011, bị Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/3/2013 (Đã xóa án tích). Bị bắt tạm giam ngày 12/3/2023; Có mặt.

17. Võ Văn T2, sinh ngày 20/8/2002 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn C4, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T13, sinh năm 1983; Vợ: Phạm Thị B1, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 02/6/2022; Có mặt.

- Bị cáo bị kháng nghị:

18. Nguyễn Hoàng H6, sinh ngày 20/11/1998 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 và bà: Võ Thị T, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 06/7/2022; Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1:*

- Luật sư Nguyễn Trần Phương T14 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

Địa chỉ: B L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Luật sư Trần Hoài S4 - Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt

Địa chỉ: 2 H, Tp ., tỉnh Bình Định.

2. *Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn Đ2:* Ông Phạm Thanh T15 - Luật sư Văn phòng L5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

Địa chỉ: E P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. *Người bào chữa cho bị cáo Phan Ngọc S:* Ông Lê Tấn L2 – Luật sư Công ty L6 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt

Địa chỉ: F N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. *Người bào chữa cho bị cáo Võ Â:* Ông Hồ Văn H7 – Luật sư Văn phòng L7 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Lô A, khu C chợ D1, đường T, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

5. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Ông Nguyễn Thế V1 - Luật sư Công ty TNHH MTV N5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

Địa chỉ: E H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

6. *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T5, Phan Quốc Đ4:* Bà Nguyễn Trần Phương T14 là Luật sư của Văn phòng L Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt.

Địa chỉ: 28 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

7. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng H6:* Ông Trương Quang C5 là Luật sư của Văn phòng L8 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: B N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

8. *Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn T2, Nguyễn Hoàng T6:* Bà Phan Thị T16 là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt

Địa chỉ: I T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

9. *Người bào chữa cho bị cáo Trần Anh Đ5:* Ông Hồ Thành P1 – Luật sư Văn phòng L9 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

Địa chỉ: E L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

10. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thái S3: Ông Nguyễn Ánh Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Có mặt

Địa chỉ: E L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thái S3: Ông Nguyễn Mạnh H4, sinh năm: 1952 và bà Trần Thị H5, sinh năm: 1953. Đồng trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

- Bị hại:

1. Anh Đoàn Minh K3, sinh năm 1996; Trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

2. Anh Trần Công H8, sinh năm: 1997; Trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: anh Trần Công H9 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2023). Trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị gồm: Trần Quốc T17, sinh năm 1994, Đoàn Đào T18, sinh năm 1995, Trương Vũ Trường G1, sinh năm 1988, Châu Thành T19, sinh năm 1982, Lưu Văn C6, sinh năm 1995, Phan Văn N3, sinh năm 2001, Võ Văn P2, sinh năm 1998, Lê Hoàng Phi H10, sinh năm 1986, Nguyễn Văn B2, sinh năm 1986, Võ Anh N4, sinh năm 1991, Nguyễn Lê Anh T20, sinh năm 1998, Trần Công H8, sinh năm 1997.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn từ trước với Đoàn Minh K3 nên khoảng 17 giờ 00 phút ngày 01/01/2022, Võ Văn Đ2 đã chủ động rủ thêm đồng bọn gồm: Nguyễn Hoàn Đ1, Võ Á, Phan Ngọc S, Trần Quốc T17 đi đánh K3, tất cả đều đồng ý. Sau đó, Á rủ thêm Nguyễn Hoàng T6 đi đánh nhau giúp. Trong lúc cả nhóm tập trung tại nhà Đ2, Đ2 vào nhà lấy 02 cây kiếm và 01 cây nhị khúc ra Đ2 đưa S cầm cây nhị khúc, Đ1 cầm 01 cây kiếm, còn Đ2 cầm 01 cây kiếm. Sau đó, Á điều khiển xe mô tô chở Đ2, T6; Trọng điều khiển xe mô tô chở S, Đ1 cùng đi đến nhà K3 ở thôn L, xã P, huyện T. Khi đến nơi thấy K3 đang ngồi ở cổng nhà thì lập tức Đ2 cầm kiếm xuống xe lao tới đánh K3 thì được Lưu Văn Q1 và Phạm Quốc Đ6 đang ngồi chơi cùng K3 can ngăn lại. Còn K3 bỏ chạy vào trong nhà, lúc này Đ1 cũng xuống xe tháo vỏ kiếm thả xuống đất, tay phải cầm kiếm đuổi theo chém K3. Khi K3 đang quay mặt hướng ra ngoài đường để đóng 02 cánh cửa lại thì bị Đ1 chạy đến cầm kiếm chém mạnh từ trên xuống 01 nhát trúng vào vùng đỉnh đầu của K3 gây thương tích. K3 bỏ chạy vào phòng ngủ đóng cửa lại, nhưng Đ1, Á vẫn đuổi theo xô, đẩy cửa và Đ1 la lớn “Mày nhỏ mà hỗn láo với anh tao”, “Sao mày mất dạy đòi đánh anh tao”. Lúc này, K3 nói “Đầu tao bị chảy máu rồi”. Đ1, Á không phá cửa vào được nên bỏ đi ra ngoài, nhặt vỏ kiếm rời đi, còn K3 được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp cứu.

Biết tin K3 bị đánh nên Trương Vũ Trường G1, Châu Thành T19, Lưu Văn C6, Trảo A, Nguyễn Lê Anh T20, Phan Văn N3, Trương Gia C1, Lê Quý T10, Nguyễn Thái S3, Lê Hoàng Phi H10, gồm 10 người kéo đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B thăm K3. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, S3, T19, G1 nói chuyện qua điện thoại với Đ2 hỏi lý do tại sao đánh K3 thì giữa G1 và Đ2 xảy ra thách thức, hẹn đánh nhau. Sau đó, G1, T19 rủ cả nhóm về tập trung tại gần trụ sở thôn L chờ đánh nhau với nhóm Đ2, tất cả đều đồng ý. Trên đường đi về, C6 gọi điện thoại rủ thêm 05 người nữa gồm: Nguyễn Văn B2, Nguyễn Quang N1, Võ Anh N4 cùng trú tại thôn L, xã P, huyện T; Mai Đình T8; Võ Văn P2 giúp C6 đánh nhau với nhóm Đ2, tất cả đều đồng ý đến gia nhập vào nhóm; riêng P2 đi về nhà lấy 01 cây phăng cầm theo đến nơi tập trung. Tại đây, C6 đưa cho N3 1.000.000 đồng để đi mua phăng đem về để sử dụng đánh nhau; N3 cầm lấy tiền rồi điều khiển xe mô tô chở C1 cùng đi mua 10 cây phăng chở về lại nơi tập trung. Cùng lúc này, G1, K1, T10, T19 đi về nhà lấy mỗi người 01 cây phăng rồi quay lại nơi tập trung. Thấy cạnh trụ sở thôn L có 01 két bia đựng vỏ chai bia Qui Nhon (đã hết bia) nên nhóm G1 lấy để sử dụng đánh nhau. Tiếp đó, N3 một mình điều khiển xe mô tô 77G1-531.66 đến Cây xăng T23 mua 03 can xăng (loại 02 lít) chở về lại nơi tập trung nhằm mục đích đổ vào các chai bia làm bom xăng để sử dụng đánh nhau với nhóm Đ2. Biết được nhóm G1 chuẩn bị đánh nhau nên Nguyễn Duy K1 và Trần Công H8 đến tham gia đánh nhau với nhóm Đ2. Sau đó, H8 gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn C7 đến giúp H8 đánh nhau.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, G1, T19, N3, C1, T10, B2, N1, Nguyễn Thái S3, N4, Trảo A, H10, T8, P2, Nguyễn Duy K1, H8, C7 mỗi người cầm 01 cây phăng; T19 và N4 khiêng theo két bia đựng vỏ chai bia Qui Nhon; P2 cầm theo 02 can xăng, N1 cầm theo 01 can xăng cùng đi đến tập trung tại gần ngã ba đường Đ và đường bê tông đi đến xóm Đ thôn L, xã P, huyện T (gọi tắt là ngã ba thứ nhất); còn C6 và T20 cũng cầm 01 cây phăng đi theo sau đến nơi tập trung. Tại đây, T19, P2, Nghĩa chế xăng vào vỏ chai bia Qui Nhon; còn N1 cởi áo thun đang mặc đưa cho nhóm xé từng mảnh nhét miệng chai để làm bom xăng. Sau khi làm xong, C6, P2 khiêng két bia đựng chai bom xăng cùng cả nhóm đứng trong đường bê tông cách đường ĐT640 khoảng 25 mét đợi nhóm Đ đánh đến.

Trong lúc cả nhóm đứng đợi, Nguyễn Thanh P3 (sinh năm 1994, trú tại thôn H, xã P, huyện T) đến bảo Nguyễn Văn C7 đi về nên C7 bỏ lại cây phăng rồi đi về cùng P3, không tham gia đánh nhau.

Cùng thời gian này, Võ Văn Đ2 sau khi nghe G1 thách thức đánh nhau thì gọi điện thoại rủ Nguyễn Hoàn Đ1, V, Phan Ngọc S, Nguyễn Hoàng H6, Bùi Văn T5, Nguyễn Văn H, Võ Văn Đ7 (em ruột của Đ2), Trần Anh Đ5, Trần Thanh A đến giúp Đ2 đánh nhóm G1 và dặn rủ thêm người, mang theo hung khí đến tham gia tập hợp tại gần nhà Đ2 để đi đánh nhóm G1, tất cả đều đồng ý (trừ Trần Thanh A khai không được Đ2 rủ đi đánh nhau). Sau đó, H rủ thêm Đoàn Đào T18 và Cao Văn L3, Đ7 rủ thêm Phan Quốc Đ4 và T5 rủ thêm Võ Văn T2 đến tham gia đánh nhau giúp nhóm Đ2 thì T18, Đ4, T2 đồng ý, còn L3 không chịu tham gia nên H điều khiển xe mô tô đến chở T18, Đ7 điều khiển xe mô tô đến chở Đ4, T5 điều khiển xe mô tô đến chở T2 tới nơi tập trung của nhóm Đ2. Biết nhóm Đ2 chuẩn bị đi đánh nhau nên Trần Quốc T17 cũng đến tham gia cùng với nhóm Đ2.

Sau khi tập trung, Đ2, Đ1, H, T18, H6, S, T17, T5, T2, Đ7, Đ4, Đ5 cùng một số thanh niên khác (chưa xác định được nhân thân lai lịch) mang theo kiếm, phảng do Đ2, Đ1 chuẩn bị cùng đi trên nhiều xe mô tô kéo đến thôn L, xã P, huyện T để đánh nhau với nhóm G1. Khi đến đoạn trước nghĩa trang xã P thuộc thôn T, xã P, huyện T, nhóm của Đ2 dừng lại. Đánh gọi điện thoại hỏi T19 đang ở đâu để đến đánh nhau, T19 đưa điện thoại cho G1 nói chuyện với Đ2. Sau đó, G1 thách thức và chỉ địa điểm cho Đ2 biết nơi nhóm G1 đang tập trung là tại ngã ba đường ĐT640 và đường bê tông đi đến xóm Đ thôn L, xã P.

Trong lúc nhóm của Đ2 đến ngã ba đường ĐT640 và đường bê tông đi đến xóm Đ thôn L thì nhóm G1 có 17 tên gồm: G1, C6, T19, P2, N4, N1, N3, T20, Trảo A, C1, T10, B2, Nguyễn Thái S3, H10, T8, Nguyễn Duy K1, H8 mỗi người cầm 01 cây phảng đứng ở đường bê tông đi đến xóm Đ thôn L cách đường ĐT640 khoảng 25 mét hờ hét. Nhóm Đ2 cũng liền xuống xe hờ hét, khiêu khích qua lại. Sau đó, P2 dùng bật lửa châm lửa 01 chai bom xăng ném về phía nhóm của Đ2 nhưng không trúng ai. Lúc này, Đ2 và Đ7 mỗi người cầm 01 cây kiếm; Đ1, T18, H6, T5 mỗi người cầm 01 cây phảng; S3 nhặt 01 cục đá rồi cùng một số thanh niên trong nhóm xông tới đuổi đánh nhóm G1. Thấy nhóm Đ2 áp đảo hơn nên nhóm G1 vút phảng, kết bia bỏ chạy vào phía bên trong đường bê tông, trên đường bỏ chạy T20 nhặt 02 cục đất tại bờ ruộng ném về phía nhóm Đ2 nhưng không trúng ai. Nhóm Đ2 đuổi theo để đánh nhóm của G1 nhưng không kịp nên quay trở lại lấy phảng, can xăng của nhóm G1 vút bỏ cầm ra đường ĐT640 và lên xe mô tô đi về hướng xã P. Khi nhóm Đ2 đi đến ngã ba đường ĐT640 và đường bê tông tiếp theo (gọi tắt là ngã ba thứ hai - cách ngã ba thứ nhất khoảng 30 mét) thì lúc này nhóm G1 cũng chạy vòng đường bê tông phía sau qua đứng trên đường bê tông của ngã ba thứ hai (cách đường ĐT640 khoảng 40 mét) tiếp tục hờ hét, khiêu khích. Nhóm Đ2 liền xuống xe tiếp tục cầm kiếm, phảng xông đến đánh nhau với nhóm G1. Trong lúc đánh nhau, Trần Công H8 thuộc nhóm của G1 làm rơi phảng nên quay lưng bỏ chạy thì bị Nguyễn Hoàn Đ1 thuộc nhóm Đ2 đuổi theo dùng phảng chém mạnh 01 nhát trúng vào vùng lưng của H8, làm H8 té ngã xuống đường.

Khi Võ Văn Đ2 gọi điện thoại rủ Võ Á đánh nhóm G1 thì Á đang nhậu cùng Nguyễn Hoàng T6 tại nhà thuê trọ của T6 ở tại tổ C, KP4, phường N, TP Q và Lê Viết P4 nên Á đã rủ T6, P4 cùng đi đánh nhau giúp cho nhóm Đ2, T6 và P4 đồng ý. Sau đó, T6 lấy 02 cây phảng rồi đưa cho P4 cầm 01 cây phảng, T6 cầm 01 cây phảng, còn Á điều khiển xe mô tô chở T6, P4 đi đến xã P để giúp cho nhóm Đ2 đánh nhóm G1. Lúc cả ba đến đoạn chùa B3 thuộc thôn B, xã P, huyện T để gặp nhóm Đ2 thì nhóm Đ2 đã đi trước đó nên Á điều khiển xe chạy về hướng nhà của Đoàn Minh K3 ở gần ngã ba “Dốc Cây me” thuộc thôn L, xã P, huyện T vì nghĩ nhóm Đ2 sẽ đi đánh nhau ở đây. Trong lúc nhóm Đ2 và nhóm G1 đánh chém nhau tại ngã ba đường ĐT640 và đường bê tông đi đến xóm Đ thôn L (ngã ba thứ nhất) thì Á điều khiển xe mô tô chở T6 và P4 chạy trên đường ĐT640 vượt qua khỏi ngã ba này và chạy đến ngã ba “Dốc Cây me” thuộc thôn L, xã P, huyện T để tìm nhóm Đ2 nhưng không thấy. Do đó, Á gọi điện thoại cho Đ2 thì được biết nhóm Đ2 đã đánh nhau xong nên Á điều khiển xe chở T6, P4 quay ngược trở

lại về hướng ngã ba đường ĐT640 và đường bê tông (ngã ba thứ hai) thì gặp nhóm của Đ2.

Trần Công H8 được nhóm bạn đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 50/2022/PY-TgT ngày 15/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận đối với thương tích của Đoàn Minh K3 như sau: Vết thương vùng đỉnh gây vỡ xương vùng trán phải, không yếu liệt đã điều trị, hiện vùng đỉnh phải vết thương để sẹo rõ, dính kích thước (8x0,5)cm, diện não đồ biến đổi nhẹ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 19%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 51/2022/PY-TgT ngày 15/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận đối với thương tích của Trần Công H8 như sau: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 98%.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 350/KLGD ngày 29/3/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền T đối với bị can Nguyễn Thái S3 kết luận tại thời điểm gây án:

+ Kết luận về y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.33);

+ Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 14/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1, Võ Văn Đ2, Phan Ngọc S, Nguyễn Văn H, Bùi Văn T5, Nguyễn Hoàng H6, Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2, Trần Anh Đ5, Võ Á, Nguyễn Hoàng T6 phạm tội “Giết người”. Các bị cáo Trương Gia C1, Mai Đình T8, Trảo A, Nguyễn Quang N1, Lê Quý T10, Nguyễn Duy K1, Nguyễn Thái S3 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ vào: Điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/01/2022.

- Căn cứ vào: Điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Võ Văn Đ2 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2022 đến ngày 28/01/2022.

- Căn cứ vào: Điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Phan Ngọc S 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/7/2022.

- Căn cứ vào: Điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H (M4 hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/01/2022.
- Căn cứ vào: Điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T5 (M4 hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/6/2022.
- Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Trần Anh Đ5 9 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/3/2023.
- Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo V (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2022.
- Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T6 9 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/6/2022.
- Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Điều 15; Điều 54; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng H6 8 (T21) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/7/2022.
- Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Điều 15; Điều 54; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Phan Quốc Đ4 8 (T21) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2022.
- Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 15; Điều 54; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T2 8 (T21) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/6/2022.
- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Trương Gia C1 2 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.
- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Mai Đình T8 2 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trảo A (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang N1 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Quý T10 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy K1 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, q khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thái S3 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt và tội danh đối với các bị cáo: Trần Quốc T17, sinh năm 1994, Đoàn Đào T18, sinh năm 1995, Trương Vũ Trường G1, sinh năm 1988, Châu Thành T19, sinh năm 1982, Lưu Văn C6, sinh năm 1995, Phan Văn N3, sinh năm 2001, Võ Văn P2, sinh năm 1998, Lê Hoàng Phi H10, sinh năm 1986, Nguyễn Văn B2, sinh năm 1986, Võ Anh N4, sinh năm 1991, Nguyễn Lê Anh T20, sinh năm 1998, Trần Công H8, sinh năm 1997; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKSBD-P2 đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: tăng hình phạt đối với bị cáo Phan Quốc Đ4, Trần Anh Đ5, Nguyễn Hoàng H6 và Võ Văn T2.

Ngày 22/9/2023, bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1, Phan Ngọc S, Nguyễn Văn H, Bùi Văn T5, Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2, Võ Á, Trần Anh Đ5 và Nguyễn Hoàng T6 làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/9/2023, bị cáo Võ Văn Đ2 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 18/9/2023, bị cáo Trương Gia C1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 21/9/2023, bị cáo Nguyễn Quang N1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 27/9/2023, bị cáo Nguyễn Duy K1, Lê Quý T10 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 26/9/2023 và ngày 28/9/2023, bị cáo Trảo An K có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 28/9/2023, bị cáo Mai Đình T8 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/9/2023, bị cáo Nguyễn Thái S3 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 15/9/2023, bà Trần Thị H5 (là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thái S3) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S3.

Ngày 11/10/2023, bị cáo Phan Ngọc S có đơn rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn H có đơn rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/11/2023, bị cáo Trần Anh Đ5 có đơn rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Văn Đ2, Võ Á, Bùi Văn T5 và Mai Đình T8 tự nguyện xin rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định về việc đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Phan Quốc Đ4, Trần Anh Đ5, Nguyễn Hoàng H6 và Võ Văn T2; các bị cáo Võ Văn Đ2, Võ Á, Bùi Văn T5, Mai Đình T8 tự nguyện xin rút kháng cáo và trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo Phan Ngọc S, Nguyễn Văn H và Trần Anh Đ5 cũng có đơn xin rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo đã rút kháng cáo nêu trên và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

Đối với kháng cáo của các bị cáo: đề nghị chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thái S3, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Trương Gia C1. Đối với những kháng cáo của các bị cáo còn lại đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên mức hình phạt.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày ý kiến: Các vị Luật sư bào chữa cho các bị cáo tham gia tại phiên tòa đều trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có kháng cáo. Đối với các bị cáo rút kháng cáo, các vị Luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, luận cứ bào chữa của luật sư, lời khai của các bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 27/11/2023, bị cáo T22 An Khang vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1 là Luật sư Lê Hoài S5 vắng mặt nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã quyết định hoãn phiên tòa đảm bảo đúng luật định.

Ngày 11 và 13/10/2023, các bị cáo Phan Ngọc S, Nguyễn Văn H nộp đơn xin rút toàn bộ kháng cáo; ngày 07/11/2023, bị cáo Trần Anh Đ5 nộp đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Võ Văn Đ8, Võ Á, Bùi Văn T5, Mai Đình T8 xin rút kháng cáo. Xét thấy, việc các bị cáo rút kháng cáo đều là tự nguyện, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo, Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Phan Ngọc S, Nguyễn Văn H, Trần Anh Đ5, Võ Văn Đ2, V, Bùi Văn T5, Mai Đình T8 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKSBD-P2 ngày 28/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định. Xét thấy, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút quyết định kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342; khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những nội dung kháng nghị đã rút trên.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án nhận được giấy tờ xác nhận việc gia đình bị cáo Nguyễn Hoàng H6 bồi thường thêm cho bị hại Trần Công H8 số tiền 5.000.000 đồng; ngày 21/11/2023 gia đình Nguyễn Hoàn Đ1 bồi thường thêm cho bị hại Trần Công H8 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bồi thường của các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[2]. Về tội danh: khoảng 17 giờ 00 phút ngày 01/01/2022, do có mâu thuẫn từ trước với Đoàn Minh K3 nên Võ Văn Đ2 đã rủ Nguyễn Hoàn Đ1, V, Phan Ngọc S, Trần Quốc T17, Nguyễn Hoàng T6 mang theo hung khí là 01 cây nhị khúc, 02 cây kiếm đi đến nhà K3 ở thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định để tìm đánh, giải quyết mâu thuẫn. Tại đây, Đ1 đã cầm kiếm chém mạnh một nhát trúng vào vùng đỉnh đầu của K3 gây vỡ xương vùng trán phải. Hậu quả: Đoàn Minh K3 bị tổn thương cơ thể là 19%.

Trương Vũ Trường G1, Châu Thành T19, Nguyễn Thái S3 cùng một số người bạn của mình đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B thăm K3 và nghe K3 kể bị nhóm Đ2 đánh nên đã gọi điện thoại cho Võ Văn Đ2 hỏi lý do tại sao đánh K3. Trong lúc nói chuyện thì giữa G1 và Đ2 xảy ra cãi vã, thách thức hẹn đánh nhau. Để chuẩn bị cho việc đánh nhau, nhóm của G1 tập hợp 17 đối tượng gồm: Trương Vũ Trường G1, Châu Thành T19, Lưu Văn C6, Trảo A, Nguyễn Lê Anh T20, Phan Văn N3, Trương Gia C1, Lê Quý T10, Nguyễn Thái S3, Lê Hoàng Phi H10, Nguyễn Văn B2, Nguyễn Quang N1, Võ Anh N4, Mai Đình T8, Võ Văn P2, Nguyễn Duy K1, Trần Công H8, chuẩn bị 16 cây phảng, 03 can xăng và 01 két vỏ chai bia làm bom xăng. Còn nhóm Đ2 tập hợp 12 đối tượng gồm: Võ Văn Đ2, Nguyễn Hoàn Đ1, Phan Ngọc S, Nguyễn Hoàng H6, Bùi Văn T5, Nguyễn Văn H, Võ Văn Đ7, Trần Anh Đ5, Đoàn Đào T18, Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2, Trần Quốc T17 và một số đối tượng khác (chưa xác định được nhân thân lai lịch) mang theo kiếm, phảng. Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, cả 2 nhóm đều đi xe mô tô chở 2 hoặc chở 3 kéo đến ngã ba đường ĐT640 và đường bê tông đi đến xóm Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định để đánh nhau như đã hẹn. Khi 02 nhóm gặp nhau đã hò hét, khiêu khích qua lại, P2 dùng bật lửa châm lửa 01 chai bom xăng ném về phía nhóm của Đ2 nhưng không trúng ai nên nhóm của Đ2 cầm kiếm, phảng xông vào đánh chém nhóm của G1 gây ồn ào, làm náo loạn khu vực thôn L, xã P. Do nhóm Đ2 áp đảo hơn nên nhóm G1 rút phảng, két bia bỏ chạy, nhóm Đ2 thấy nhóm G1 bỏ chạy nên đã đuổi theo để đánh. Trong lúc đuổi theo nhóm G1, Nguyễn Hoàn Đ1 đã dùng phảng chém mạnh một nhát trúng vào vùng lưng của Trần Công H8 làm H8 té ngã xuống đường. Hậu quả: Trần Công H8 bị tổn thương cơ thể là 98%.

Với hành vi và hậu quả như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định các bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1, Võ Văn Đ2, Phan Ngọc S, Nguyễn Văn H, Bùi Văn T5, Nguyễn Hoàng H6, Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2, Trần Anh Đ5, Võ Á, Nguyễn Hoàng T6 phạm tội “Giết người”; các bị cáo Trương Gia C1, Mai Đình T8, Trảo A, Nguyễn Quang N1, Lê Quý T10, Nguyễn Duy K1, Nguyễn Thái S3 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thì thấy:

[3.1]. Đối với Nguyễn Hoàn Đ1: Đ1 là những người trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho cả 2 người bị hại, sử dụng kiếm chém vào vùng đầu của anh Đoàn Minh K3; dùng phảng đánh vào người của anh Trần Công H8 gây thương tích 98%. Võ Văn Đ2 là người gây ra toàn bộ sự việc từ việc rủ rê người qua đánh anh K3 đến việc tập hợp người, chuẩn bị hung khí đánh nhau nhóm của G1. Tại phiên tòa, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do hình phạt nặng nhưng không trình bày được căn cứ nào mới để xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, Đ1, Đ2 là những đối tượng có hành vi hung hãn, côn đồ, coi thường tính mạng sức khỏe của người khác, sẵn sàng tụ tập lôi kéo nhiều người để tham gia đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn, các bị cáo phạm vào 2 tình tiết định khung là “*Có tính chất côn đồ*” và “*Giết 02 người trở lên*” nên cần phải có hình phạt đủ nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Hoàn Đ1 16 năm tù, Võ Văn Đ2 14 năm tù về tội “*Giết người*” là đã xem xét, chiếu cố cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp

nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Võ Văn Đ8 đã rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

[3.2]. Đối với kháng cáo của các bị cáo Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2: Đ4 và T2 đều có vai trò đồng phạm trong vụ án về tội “Giết người”, đều là những đối tượng bị rủ rê đi đánh nhau. Xét thấy, trong vụ án này các bị cáo Đ4, T2 chỉ tham gia với vai trò đồng phạm, các bị cáo không có hành động nào tấn công trực tiếp tác động lên người bị hại anh Trần Công H8 để gây thương tích cho anh H8, việc H8 bị thương tích 98% là do một mình Đ1 gây ra. Do đó, xét về tính chất mức độ phạm tội cùng vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Đ4, T2 mỗi bị cáo 08 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không trình bày được tình tiết giảm nhẹ nào mới và mức hình phạt đối với các bị cáo là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, không nặng và phù hợp với tính chất hành vi nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Đ4 và T2.

Riêng bị cáo Bùi Văn T5 sau khi được Võ Văn Đ2 rủ rê đi đánh nhau, bị cáo lại rủ rê thêm Võ Văn T2 tham gia đánh nhau, bị cáo là người cầm phảng tham gia với vai trò đồng phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn T5 rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm là đúng pháp luật.

[3.3]. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T6: bị cáo tham gia vụ thứ nhất cùng với Võ Văn Đ2 và Nguyễn Hoàn Đ1 mang kiếm đến nhà và chém anh K3, hậu quả anh K3 bị thương tích 19%. Trong vụ án này bị cáo tham gia với tư cách là đồng phạm giúp sức, nghe theo lời rủ rê của Võ Văn Đ2 để đi đánh nhau. Trong vụ án thứ 2, T6 mặc dù không tham gia trực tiếp đánh nhau nhưng trước đó các bị cáo cũng đã tiếp nhận ý chí của Đ2 về việc đi đánh nhóm của G1, khi nghe Đ2 gọi điện thì Á chờ T6 mang phảng đi hội nhóm với Đ2 nhưng khi đến nơi thì việc đánh nhau đã xong nên không tham gia được. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn bộ hành vi của các bị cáo Á, T6, xác định đây là những đối tượng coi thường pháp luật, sẵn sàng dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn. Do đó, mặc dù anh K3 bị thương tích 19% nhưng mức hình phạt 9 năm tù mỗi bị cáo là không nặng, dưới khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T6 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không trình bày được lý do nào khác làm cơ sở để giảm án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Riêng bị cáo Võ Á trình bày ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm xin rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm là đúng pháp luật.

[3.4]. Đối với các bị cáo Trương Gia C1, Nguyễn Quang N1, Trảo A, Lê Quý T10, Nguyễn Duy K1 và Nguyễn Thái S3: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trương Gia C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì lý do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông ngoại của bị cáo là người có công cách mạng; bị cáo Trảo An K xin hưởng án treo vì lý do bị cáo rất hối hận vì một phút bốc đồng bị bạn bè lôi kéo, hiện là lao động chính, đang nuôi mẹ

già, vợ và con 01 năm tuổi; bị cáo Nguyễn Duy K1 xin hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính, ông nội là người có công cách mạng, bà nội là thương binh, vợ bị cáo đang mang bầu cần người chăm sóc; bị cáo Lê Quý T10 kháng cáo xin hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính, gia đình có công cách mạng; bị cáo Nguyễn Thái S3 và mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị H11 xin cho bị cáo được hưởng án treo vì lý do bị cáo đang điều trị ngoại trú tại Bệnh viện tâm thần tỉnh B, mẹ bị cáo là thương binh có Huân chương kháng chiến hạng 3, là chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy, gia đình hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Nguyễn Quang N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo là lao động chính trong gia đình có bằng cấp nghề nghiệp cơ khí.

Xét tính chất hành vi: các bị cáo này trong nhóm 16 người đi theo bị cáo Trương Vũ Trường G1, về bản chất thì hành vi của các bị cáo này gần như tương đồng nhau là đều bị G1 hoặc Lưu Văn C6 rủ rê tham gia đánh nhau, tham gia chuẩn bị xăng, phảng, chở nhau đến địa điểm đánh nhau và cầm phảng đứng hò hét, gây ồn ào náo loạn khu vực thôn Liêm Trục, xã P nên bị truy tố và xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng” có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Đình T8 rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm là đúng pháp luật.

Đối với những tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo Trảo An K, Nguyễn Quang N1, Lê Quý T10, Nguyễn Duy K1 trình bày thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: khi quyết định hình phạt thì Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ cho các bị cáo, riêng bị cáo Trảo An K còn có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Cướp giật tài sản” và mức hình phạt mỗi bị cáo 18 tháng tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, không nặng. Nên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo Trảo An K, Nguyễn Quang N1, Lê Quý T10, Nguyễn Duy K1.

Đối với các bị cáo Trương Gia C1, Nguyễn Thái S3 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được xác nhận của chính quyền địa phương. Tại phần nhận định mục [3.1] của bản án sơ thẩm đã nhận định xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo C1, S3 nhưng tại phần quyết định lại không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là có thiếu sót, cần khắc phục. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bổ sung tình tiết giảm nhẹ này để đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo nộp thêm tài liệu xác định: bị cáo C1 có ông ngoại là người có công cách mạng (ông Trương Sĩ P5 là thương binh hạng 2/4 được 3 Huân chương và 01 Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất); bị cáo S3 có mẹ là người có công cách mạng (chiến sỹ bị địch bắt tù đầy, Huân chương kháng chiến hạng 3 và là thương binh), đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét áp dụng thêm cho các bị cáo. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thái S3 bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi và đang điều trị tâm thần ngoại trú, bà Nguyễn Thị H11 (mẹ bị cáo S3) tuổi đã cao, là chiến sỹ bị địch bắt tù đầy, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, đồng thời là thương binh hạng 4, gia đình hoàn cảnh khó khăn nên bà H11 cần có người chăm sóc; bị cáo Trương Gia C1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn được xác nhận chính quyền địa phương, gia

đình có công cách mạng, bị cáo cũng là lao động chính trong gia đình. Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội, S3 và C1 đều nghe theo sự rủ rê, chỉ tham gia gây rối trật tự công cộng, có hành vi không đáng kể. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự), đủ các điều kiện để được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, cho các bị cáo C1, S3 có cơ hội được tự cải tạo, hòa nhập cộng đồng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Gia C1, Nguyễn Thái S3 cho các bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1, Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2, Nguyễn Hoàng T6, Trảo A, Nguyễn Quang N1, Lê Quý T10 và Nguyễn Duy K1 không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của các bị cáo Trương Gia C1, Nguyễn Thái S3 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 3 Điều 342; khoản 1 Điều 348; điểm a, b, d khoản 1 của Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKSBD-P2 ngày 28/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Phan Ngọc S, Nguyễn Văn H, Trần Anh Đ5, Võ Văn Đ2, Bùi Văn T5, Võ Á và Mai Đình T8.

Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo: Phan Ngọc S, Nguyễn Văn H, Trần Anh Đ5, Võ Văn Đ2, Bùi Văn T5, Võ Á, Mai Đình T8 và Nguyễn Hoàng H6 kể từ ngày ra quyết định đình chỉ (ngày 30/01/2024).

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1, Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2, Nguyễn Hoàng T6, Trảo A, Nguyễn Quang N1, Lê Quý T10 và Nguyễn Duy K1.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1, Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2, Nguyễn Hoàng T6, Trảo A, Nguyễn Quang N1, Lê Quý T10 và Nguyễn Duy K1.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thái S3, Trương Gia C1, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thái S3, Trương Gia C1.

1. Căn cứ vào: Điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1 **16 (mười sáu)** năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/01/2022.

2. Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Điều 15; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T6 **9 (chín)** năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/6/2022.

3. Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Điều 15; Điều 54; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Phan Quốc Đ4 **8 (tám)** năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2022.

4. Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 15; Điều 54; Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T2 **8 (tám)** năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/6/2022.

5. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trương Gia C1 **2 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo** về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (30/01/2024).

Giao bị cáo Trương Gia C1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trương Gia C1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trương Gia C1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trảo A **(mười tám)** tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

7. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang N1 **18 (mười tám)** tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

8. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Quý T10 **18 (Mười tám) tháng** tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

9. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy K1 **18 (mười tám) tháng** tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

10. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thái S3 **12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (30/01/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Thái S3 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thái S3 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thái S3 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1 và bị cáo Nguyễn Hoàng H6 mỗi bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại Trần Công H8 5.000.000 đồng để đảm bảo cho thi hành án.

III. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Trương Gia C1, Nguyễn Thái S3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Hoàn Đ1, Phan Quốc Đ4, Võ Văn T2, Nguyễn Hoàng T6, Trảo A, Nguyễn Quang N1, Lê Quý T10 và Nguyễn Duy K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

IV. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại giam Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo tại ngoại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tấn Hoàng